

Từ mượn tiếng Pháp trong tiếng Việt

Tiếng Việt mình... được mượn từ tiếng Pháp rất nhiều, trừ một số người xưa thì biết, sau này, mọi người dùng theo thói quen, mà không biết chữ đó từ chữ nào mà ra



GÓC SÀI GÒN XƯA

Ví dụ : Mọi người hay nói : đi chơi “tăng ” 2 , nói vậy, chứ không hiểu chữ “tăng” đó là chữ ” temps” của tiếng Pháp, trong nghĩa là ” lần,thời gian”...

Hôm nay, mình mày mò, gom được khoảng gần 100 từ vô một bài thơ lục bát, và có mở ngoặc ,ghi chú thêm phần tiếng Pháp gốc của từ đó.

Rất mong lớp trẻ sau này, hiểu được rõ nguồn gốc từ ngữ mình dùng..gọi là chút đóng góp cho cộng đồng...người Việt mình...

Lục bát Việt-Pháp

Tiếng Pháp, tiếng Việt giống nhau,
Cùng nhau tìm chữ ,tìm câu hàng ngày.
Mu-soa(mouchoir)là cái khăn tay,
Buya-rô(bureau) bàn giấy, để ngay văn phòng.

Savon là cục xà-bông.
Ban-công(balcon) là chỗ đứng trông trước nhà
Xót-ti(sortir) có nghĩa: đi ra.
Ve(vert): màu xanh lá, màu là cu- lơ(couleur).
Beurre:thì có nghĩa là bơ
Ăn với ba-gét(baguette): bánh mì đũa que.
Chìa khóa còn gọi cò-lê(cle')
Đốc- tơ (docteur) : bác sĩ, kẹo là bòn-bon(bonbon)
Thịt nguội còn gọi giăm- bông(jambon)
Quần dài,là păng-ta-lông(pantalon),đúng không?
Tóc tém: đờ- mi gạc-xông(demi garçon).
Phòng khách có ghé sa- lông(salon)để ngồi.
Súp-lơ (choux fleur) : bông cải,bổ nôi.
Cùi-dĩa(cuillère) :thìa,muỗng,xin mời ăn cơm.!
Quả táo còn gọi: trái bươm(pomme)
Dễ thương, hay gọi mi -nhon(mignonne),hay dùng.
Coát -xăng (croissant) là bánh hai sừng.
Cà-rem(creme) ai thấy cũng mừng, cũng ham.
Đặt hàng còn gọi còm- mǎng(commande)
Sớp-phơ (chauffeur) tài xế, phải ngồi vô lǎng (volant)
Gọi mẹ, thì gọi ma-mǎng(maman)
Thường trực là pẹc- ma-nǎng.(permanent) nghe bà !
Lối đi qua,gọi cu-loa(couloir)
Bi-da(billard) chơi nhớ , phải chà cục lơ.(bleu)
Người chạy xe đạp : cua-rơ(coureur)
Đồng hồ điện, gọi công-tơ(compteur) hã bỏ?
Bảo vệ là gạc- đờ- co(garde de corps)
Áo khoác dài gọi mǎng-tô(manteau) đó mà.
Tạm biệt, nói ô- rờ -voa(au revoir)
Món gà nấu đậu,gọi là la-gu (ragout)
Chửi nhau nói : mợc-xà- lù(merde salaud)
Pê-đan(pédale) bàn đạp ,rất cần cho xe.
Màu da ta gọi màu be(beige)
Cà-vẹt (carte verte) là giấy xe nê,hở anh?
Thắng xe,thì gọi là phanh(frein)
Cà-vạt(cravate) nhớ thắt, để thành ...đẹp trai.
Pít -xin(piscine) là cái hồ bơi.
Búp-bê(poupée) bé thích ,bé ngồi, bé mơ...
Buộc -boa(pourboire) ám chỉ tiền bo.
Tích-kê(ticket)là vé, ri-đô(rideau) là màn.
Táp – pi(tapis)là tấm thảm sàn.
Sinh nhật ,nhớ mở nhảy đầm đǎng-xê(danser)
Đầm dài là cái xoa rê(soirée)
Giúp (jupe) là váy ngắn,nhìn mê không bỏ?
Xe hơi còn gọi ô tô(auto)
Đờ mi(demi): một nửa, bô(beau) là đẹp trai.
Đúp (double) thì có nghĩa : gấp hai.
Bưu ảnh, là cạc- pốt- tan (carte postale) có hình.
Co(corp) là để chỉ thân mình.

Đề -pa(départ)mang nghĩa khởi hành đó nha.
Tôi thì mình xưng là moi (moi)
Còn bạn có nghĩa là toi(toi), là mày.
Tiếng Pháp Việt hóa, thật hay.
Nhưng không thể viết một ngày mà xong.
Chỉ mong đóng góp cộng đồng .
Soạn đi soạn lại,vẫn còn nhiều ghê..
Thủ quỹ quen gọi két -xê(caissier)
Giới thiệu nhà cửa, bởi mê tiền cò (com: commission)
Bệnh hoạn ,ai lại chẳng lo.?
Chạy mua thuốc ở tiệm gọi là phạc- ma- xi (pharmacie)
Màu xám còn gọi màu ghi(gris)
Cục gôm (gomme) để xóa,viết chì để ghi.
Con gái tôi, gọi ma -phi (ma fille)
Đét-xe (dessert) tráng miệng, ăn khi tiệc tàn.
Nhảy đầm ,đẹp nhất điệu van (valse).
Nhẹ nhàng thanh thoát, chàng nàng say mê.
Mỗi sáng một phin(filtre) cà phê(café)
Bắt đầu làm việc, không hề quên đầu.
In- tro (intro) : khúc nhạc dạo đầu.
Cam- nhông(camion) : xe tải , lơ (bleu) : màu xanh xanh.
Tiệc tùng khui rượu sâm- banh(champagne).
Sô- cô-la (chocolat) đắng ,người sành thấy ngon.
La-de (la bière) uống giống bia lon.
Có người không thích, thì ngồi chê bai.
Bia (bière) ,bọt, chỉ nên lai rai.
Uống nhiều bia quá,hao tài,hao phăng (Franc)
Tiền thì nhớ bỏ nhà băng (banque)
Trai gái sắp cưới, gọi là phi-ăng-xê (fiancé)
Mùa hè nắng gắt thấy ghê,
Nhớ đeo găng(gants) để bị chê đen thùi.
Ăn cơm, ăn xúp (soupe), ăn nui (nouille).
Nhớ chan nước xốt (sauce), nhớ mùi rau thơm.
Điện tín là tê- lê- gam (télégramme)
Vợ tôi thì nói ” ma pham” (ma femme) của mình.
Tê- ríp (terrible) : là chuyện thất kinh.
Vali : là valise
Gara : là garage
Phi- nan (final) : kết thúc... thôi thì... mình xì-tốp (stop) ...lun..

Sài Gòn xưa